

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỔ, THI LIỆU HÁN HỌC TRONG THƠ KÍ SỰ PHAN HUY ÍCH

Nguyễn Văn Hoàng^{1*}

¹Trường THPT Nguyễn Hồng, tỉnh Bắc Giang

* Email: hoangk66hnue@gmail.com

Ngày nhận bài: 03/04/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/06/2023

Ngày chấp nhận đăng: 17/06/2023

TÓM TẮT

Sử dụng điển cổ, thi liệu Hán học là một đặc trưng nghệ thuật trong văn học trung đại. Nó góp phần tạo nên tính trang nhã, quy phạm và tính đa nghĩa, giàu biểu tượng cho các tác phẩm thơ văn do những chuyện xưa, tích cũ mang lại. Phan Huy Ích đã thành công khi vận dụng linh hoạt những điển cổ, thi liệu Hán học trong thơ kí sự của mình. Nghệ thuật sử dụng điển cổ, thi liệu Hán học trong thơ kí sự Phan Huy Ích đã truyền tải những nội dung, tư tưởng mà tác giả gửi gắm.

Từ khóa: điển cổ, Phan Huy Ích, thi liệu Hán học, thơ kí sự.

ART OF USING HISTORICAL REFERENCES AND SINOLOGY MATERIALS IN PHAN HUY ICH'S POEMS

ABSTRACT

Using classics, Chinese poetry is an artistic feature in medieval literature. It contributes to the creation of elegance, norms, and multi-meaning, rich symbolism for poetic works inspired by old stories and stories. Phan Huy Ich has been successful in incorporating classics and Sino-studied poetry into his narrative poetry. The art of using classics and Han-school poetry in Phan Huy Ich's historical poetry has conveyed the content and ideas that the author sent.

Keywords: Chinese literature poetry, chronicles poetry, classics, Phan Huy Ich.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sử dụng điển cổ là một đặc trưng của thi pháp trong sáng tác văn học trung đại. Điều này góp phần tạo tính trang nhã, trang trọng của mỗi tác phẩm thơ, văn nói chung và thể hiện dấu ấn riêng của người sáng tác. Tác giả Nguyễn Ngọc San đã quan niệm: “Điển cổ là viết gọn chuyện cũ lời xưa thành đôi ba chữ để đưa vào văn chương, làm cho câu văn hàm súc ngắn gọn, lời ít ý nhiều” (Nguyễn Ngọc

San, 1998). Từ quan niệm của nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc San, chúng ta có thể tóm lược có hai hình thức trong nghệ thuật dùng điển: một là mượn “chuyện xưa” (dùng điển), hai là mượn “lời xưa” (lấy chữ). Mượn chuyện xưa là việc dẫn lại những tích cũ, câu chuyện xa xưa đã trở thành mẫu mực giúp người đọc hiểu hơn về ý nghĩa, nội dung câu thơ, lời thơ. Còn dùng “lời xưa” là việc trích dẫn hay mượn một vài câu chữ trong những câu văn,

câu thơ cổ khiến người đọc nhớ lại mà vỡ lẽ ra ý nghĩa. “Thơ kỉ sự” là một bộ phận của thi ca trung đại, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thi pháp cũng như quan niệm sáng tác thẩm mỹ của thời đại, do đó việc dùng điển là tất yếu. Vậy nên, tìm hiểu thơ kỉ sự, chúng ta không thể không quan tâm đến nghệ thuật sử dụng điển cổ, thi liệu Hán học. Trong thơ kỉ sự của Phan Huy Ích, sử dụng điển cổ, thi liệu Hán học góp phần làm nên tính hàm súc và thâm mỹ trong thơ ông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu, nghiên cứu nghệ thuật sử dụng điển cổ, thi liệu Hán học trong thơ kỉ sự của Phan Huy Ích, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau: phương pháp nghiên cứu văn học sử, phương pháp nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hóa, phương pháp tiếp cận thi pháp học. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng thao tác thống kê, phân loại để phục vụ quá trình nghiên cứu.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phan Huy Ích – Dụ Am tiên sinh (1751 – 1822) là một tác giả của giai đoạn văn học thế kỉ XVIII – XIX. Sáng tác của ông khá đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung. Trong dòng tộc Phan Huy ở Sài Sơn, Phan Huy Ích nổi lên không chỉ bởi tài năng chính trị mà còn được khẳng định trong sự nghiệp văn học. Những sáng tác của ông đã góp phần làm giàu thêm truyền thống văn chương của dòng tộc nói riêng và của nước nhà nói chung. Trong di sản văn chương để lại cho hậu thế, thơ chữ Hán của tác giả họ Phan được xem là bộ phận tiêu biểu nhất, trong đó có thơ chữ Hán viết theo lối kỉ sự. Lối thơ này đã trở thành một sáng tác nổi bật trong thơ chữ Hán của ông nói riêng và thơ chữ Hán thời trung đại giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX nói chung. Thơ kỉ sự là một thể tài độc đáo của văn học trung đại Việt Nam. Khái niệm “thơ kỉ sự” đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm, đề cập tới trong thời gian gần đây. Đơn cử, tác giả Trần Thị Băng Thanh

cho rằng: “Đó là những bài thơ luật Đường hoặc cổ thể ghi chép những sự kiện nào đó mà tác giả bắt gặp và cảm nghĩ trên quãng đường đời của mình. Để có thể bổ sung cho sức chứa hạn hẹp vì độ dài của một bài thơ luật, các tác giả thường thêm một lời dẫn, nhiều khi khá dài và rất văn chương, như một thành phần hữu cơ không thể thiếu, trước bài thơ, hoặc những đoạn chú thích tỉ mỉ dưới mỗi câu thơ có sự kiện cần phải tường giải” (Trần Thị Băng Thanh & Lại Văn Hùng, 2010). Từ đó, chúng tôi đề xuất khái niệm “thơ kỉ sự” như sau: *Thơ kỉ sự là những bài thơ thể hiện kiểu “ghi chép” thông qua nhan đề khá dài kể/tả sự việc, thời gian cụ thể; hoặc thông qua những lời chú thích, dẫn giải bằng văn xuôi nằm ở sau nhan đề bài thơ, có khi nằm ở cuối bài thơ (để chú thích cho câu thơ, lời thơ). Phần Tính tự/Tính dẫn/Tiểu dẫn mở đầu tường giải về hoàn cảnh sáng tác bài thơ thường dài, có khi dài gấp nhiều lần bài thơ.*

Khảo sát 211 bài thơ kỉ sự của Phan Huy Ích trong cuốn *Tuyển tập dòng văn Phan Huy (Nhánh Sài Sơn) Tập 1* (Trần Thị Băng Thanh & Phạm Ngọc Lan, 2019), chúng tôi thấy có 155 điển cổ (bao gồm cả “dùng điển” và “lấy chữ”). Tỷ lệ xuất hiện điển cổ, thi liệu Hán học trung bình là 0,73 điển cổ, thi văn liệu/bài. Qua đó, người đọc vẫn nhận thấy số lượng phong phú điển cổ, thi liệu được sử dụng trong thơ kỉ sự của ngài Dụ Am. Điều này phản ánh tài năng, sự uyên bác thông tuệ và khả năng xử lí, chọn lọc của nhà thơ.

3.1. Điển cổ trong thơ kỉ sự Phan Huy Ích phản ánh lịch sử thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ

Thế kỉ XVIII, lịch sử phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng, suy thoái. Những cuộc nội chiến, giằng co kéo dài nhiều thập kỉ, đời sống nhân dân lầm than, cơ cực. Phan Huy Ích sinh ra vào thời điểm thời đại có nhiều biến động dữ dội. Đặc biệt, cuộc đời tác giả đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử: Trịnh – Nguyễn phân tranh, các cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra triền miên,

cuộc nội chiến giữa nhà Tây Sơn với triều đình Lê/Trịnh và nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh, chiến tranh chống quân Xiêm phía Nam, chống quân Thanh phía Bắc... Bối cảnh lịch sử đó đã được “ghi chép” lại trong sáng tác chữ Hán của tác giả họ Phan. Nhà nghiên cứu Trần Thị Băng Thanh đã khẳng định: “đọc thơ văn của Phan Huy Ích, ta không chỉ biết về những sự việc, những tâm tình của cá nhân ông, mà còn có thể thấy được những sự kiện lịch sử, chính trị, xã hội đương thời” (Trần Thị Băng Thanh & Phạm Ngọc Lan, 2019). Thật vậy, sáng tác thơ chữ Hán của tác giả họ Phan, đặc biệt là những bài thơ ký sự luôn phản ánh nóng hổi lịch sử thời đại bấy giờ. Phan Huy Ích đã thành công trong sử dụng điển cố để phản ánh cục diện chính trị, cảm tác về thời đại lịch sử.

Tác giả Phan Huy Ích đã tài tình, khéo léo sử dụng tích truyện trong *Sử kí* với điển tích *Chiếc cung để lại* để nhắc tới ba sự kiện: chúa Trịnh Sâm, vua Lê Cảnh Hưng, vua Quang Trung băng hà. Đầu tiên, nhà thơ nhắc đến sự kiện chúa Trịnh Sâm băng hà vào mùa thu năm Nhâm Dần (1782): *Long ngự du du bất khả phan/ Ky tung thiên hạnh nhĩ kiều san* (Cưỡi rồng bay xa thăm không thể với lại được/ Dấu chân giang hồ riêng may mắn gần núi Kiều Sơn) – *Phụng tiên vương đậm tế lễ, cảm tác*. Trịnh Sâm là vị chúa thứ tám của họ Trịnh, ở ngôi chúa từ năm 1767 đến năm 1782, khi chết có thụy hiệu là Thánh Tổ Thụy Vương. Trong thời gian nắm quyền, chúa Trịnh đã có nhiều công lao, đặc biệt là việc dẹp loạn các cuộc nổi dậy. Ngoài ra, chúa còn được biết đến là người con có hiếu, lại giỏi thơ văn quốc âm. Phan Huy Ích từng có thời gian phụng sự dưới quyền nhà chúa, được chúa Trịnh Sâm giao nhiều trọng trách trong nhiều lĩnh vực. Vậy nên, sự kiện chúa Trịnh Sâm qua đời đã được ông ghi chép lại với những tình cảm của bề tôi trung thành: *Đính chúng thử thân cự lập ban* (Thân này từ gót đến đầu thẹn đội ơn chan chứa). Mượn tích truyện Hoàng đế đức đỉnh ở núi Kinh Sơn trong *Sử kí*, đức đỉnh xong thì cưỡi rồng bay

lên trời, quần thần vịn râu rồng để theo, râu rồng bị đứt, phải ở lại, nhà thơ đã gián tiếp nhắc đến việc chúa Trịnh Sâm băng hà. Một mặt, tác giả tái hiện sự kiện lịch sử trong thế kỉ XVIII, mặt khác nhấn mạnh thêm tấm lòng “cô trung” của mình: *Quân thần phân nghị lưu thiên địa/ Trừ trưởng cô trung phủ ngưỡng gian* (Tình nghĩa vua tôi lưu mãi trong trời đất/ Ngẩng lên cúi xuống, tấm lòng cô trung ngậm ngùi). Vẫn mượn tích truyện này, nhà thơ tiếp tục nhắc đến sự kiện vua Lê Cảnh Hưng băng hà: *Đình hồ tiên ngự long nhậm cách/ Lương Thủy khâm nghi ích thú điều* (Ngựa tiên bay ở Đình Hồ, râu rồng xa cách/ Nghi vệ bày ở Lương Thủy, mũi thuyền đi xa) – *Thu trung khâm nghinh tiên hoàng để tử cung thuyền, khóc bá vu bằng trình tân thứ, cung kỉ*. Lê Cảnh Hưng là vị vua thứ 26 của nhà Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam, ở ngôi từ năm 1740 đến năm 1786. Sau sự kiện chúa Trịnh Sâm băng hà, nhà thơ Phan Huy Ích tiếp tục dùng điển cố mượn tích truyện trong *Sử kí* để nhắc chuyện vua Cảnh Hưng băng hà. Tác giả dùng những vần thơ để ca ngợi, biết ơn nhà vua: *Ân trạch vĩnh di thiên hạ mộ* (Ơn huệ để lại mãi mãi khiến cho thiên hạ mến). Bên cạnh đó, nhà thơ cũng bộc lộ cảm xúc thương xót, đau buồn một cách trực tiếp: *Ai luyến thần tâm trường huyễn lệ* (Bề tôi vì lòng thương tiếc mà rơi nước mắt mãi).

Là một vị quan trung thành với nhà Lê – Trịnh, hưởng ơn vua ăn lộc chúa, Phan Huy Ích đã có thời gian tham gia vào quân đội để chống lại quân Tây Sơn. Tuy nhiên, khi đi từ kinh đô đến chỗ trú ngụ ở trấn Thanh Hoa, Phan Huy Ích cùng với Mãn Quận công (Lê Trung Nghĩa) đã gặp quân của Võ Thành Đạo. Kết quả, Mãn Quận công ngã ngựa, bị giặc bắt, bị thương nặng rồi chết còn Phan Huy Ích thì bị bắt giam. Bài thơ *Ky thể kí muện* cùng lời nguyên dẫn được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh đó: *Biện sóc giang sơn vọng khí tiêu/ Cô thần vô kế tình phân hiêu* (Núi sông ở Biện Sóc tiêu tan vọng khí/ Kẻ cô thần không có kế dẹp yên loạn lạc). Ở hai câu kết ông nhắc đến tích truyện Bá Nhân

thời Tấn đề nói lên lòng thương xót và ngợi ca tấm lòng tín nghĩa của Mãn Quận công: **Bá Nhân do ngã vuu trừ trưởng/ Na đắc phương tôn ủy cực liêu** (Nhớ câu “Bá Nhân đã vì ta” lại càng đau xót/ Ước gì được chén rượu thơm, an ủi bạn đồng lưu cũ). Qua việc nhắc truyện Bá Nhân đời Tấn, nhà thơ đã ngợi ca sự trung nghĩa của Lê Trung Nghĩa, đồng thời gián tiếp phản ánh cục diện chính trị thời Lê mặt với những nội chiến, tranh chấp quyền lực kéo dài giữa các tập đoàn chính trị. Sự kiện vua Quang Trung băng hà vào năm 1792 cũng được tác giả nhắc đến trong điển tích *Đỉnh Hồ: Hồng thiên thủy dự đăng luân các/ Long khứ hà kham vọng Đỉnh Hồ* (Như chim hồng tung cánh, mới được dự lên bí các/ Rồng đã bay đi, lòng sao kham nổi khi trông ngóng Đỉnh Hồ) – *Thu phụng quốc tang, cảm thuật*.

Như vậy, xác lập vai trò của điển cố trong việc phản ánh lịch sử thời đại Lê mặt – Nguyễn sơ, Phan Huy Ích đã giúp người đọc thấy được “diễn trình” bối cảnh thế kỉ XVIII – XIX. Ngoài ra, tác giả đã thể hiện thành công nghệ thuật trong việc chọn lựa, vận dụng, truyền tải ý nghĩa mà điển cố biểu lộ trong thơ kí sự.

3.2. Điển cố trong thơ kí sự Phan Huy Ích thể hiện lí tưởng chính trị nhà Nho

Là nam nhi sống dưới chế độ quân chủ Nho giáo phương Đông, thuộc dòng dõi khoa bảng, Phan Huy Ích đã nhiệt thành bày tỏ lí tưởng chính trị trong thơ chữ Hán, đặc biệt là những bài thơ kí sự. Xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, nhà thơ họ Phan luôn đau đáu tấm lòng “trung quân ái quốc” và lí tưởng “nhập thế”. Tác giả đã vận dụng/sử dụng linh hoạt những điển cố, qua đó giúp người đọc thấy rõ phẩm chất, nhân cách con người nhà thơ. Nét nổi bật thứ nhất trong lí tưởng chính trị nhà Nho của Phan Huy Ích là *lí tưởng trung hiếu* – phạm trù của Nho giáo. Lí tưởng trung hiếu thời trung đại luôn nêu cao tinh thần yêu nước, trung quân. Khổng Tử từng nói: *Quân sử thần dĩ lễ, thần sử quân dĩ trung* (Nhà vua

sai khiến bề tôi thì dùng lễ, bề tôi phụng sự nhà vua thì giữ đạo trung). Đọc thơ kí sự của tác giả họ Phan, chúng ta thấy hiển hiện rõ lí tưởng trung hiếu được phản ánh qua nghệ thuật dùng điển cố.

Bài thơ *Đăng trình ngũ nội* (Dẫn vợ lúc lên đường) thể hiện khá rõ tấm lòng trung hiếu của tác giả với nhà vua và triều đình quốc gia. Ghi chép lại câu chuyện “dẫn vợ” cảm động trước lúc “lên đường” nhận nhiệm vụ đất nước giao phó, Phan Huy Ích bày tỏ lòng trung thành, yêu nước và tinh thần trách nhiệm với công việc. Mượn chữ trong sách *Thiếu Vi tiết yếu*, nhà thơ đặt chuyện triều đình, quốc gia lên trên chuyện nhà: *Nam, bắc, đông, tây duy mệnh sử/ Tân, nhâm, quý, giáp sạ bối hồi* (Nam, bắc, tây, đông cứ phải theo mệnh/ Tân, nhâm, quý, giáp chợt băng khuâng). Trong sách *Thiếu Vi tiết yếu* chép rằng: “Đại Vũ đi trị thủy, vợ ở nhà sinh con trai là Khải được bốn ngày tân, nhâm, quý, giáp, khóc oa oa. Đại Vũ đi qua nhà, nghe con khóc cũng không ghé vào nhìn con”. Phan Huy Ích cũng đang trong hoàn cảnh này. Sau nhan đề bài thơ, tác giả có viết nguyên chú: “Lúc bấy giờ vợ tôi mới ở cũ”. Lời nguyên chú giúp người đọc biết được vợ nhà thơ mới sinh, đang trong thời gian ở cũ. Nhưng trong hoàn cảnh đó, tác giả vâng lệnh vua đi về phương Nam làm nhiệm vụ. Nhà thơ đã gạt chuyện cá nhân gia đình xuống dưới, đặt nhiệm vụ triều đình giao phó lên hàng đầu. Qua đó, người đọc phần nào thấy được tấm lòng trung thành, yêu nước và tinh thần trách nhiệm của Dụ Am.

Lí tưởng trung hiếu còn được nhà thơ nhấn mạnh trong quãng thời gian được triều đình tin dùng, giao phó trách nhiệm. Có thể nói, hoạn lộ quan trường của Phan Huy Ích thuận buồm xuôi gió, lên như điều gặp gió. Ông được triều đình giao phó nhiều chức quan, nổi bật nhất là việc cử đi sứ phương Bắc. Từ đó, chúng ta có thể hiểu được uy tín, tài năng của nhà thơ họ Phan. Đối với Phan Huy Ích, chuyện đi sứ là lớn lao, cao cả. Bởi nó ảnh hưởng đến tình hòa hiếu hai nước, nếu

không ứng xử linh hoạt, có thể dẫn đến chiến tranh hai nước. Vậy nên, ông rất xem trọng chuyện đi sứ Bắc quốc. Nói về trọng trách lớn lao và cao cả này, nhà thơ dùng điển *ngựa kì ngựa lạc*: *Kì lạc tuân tu bang quốc trọng/ Giản hoàng tu tiến quý thần tri* (Cưỡi ngựa kì ngựa lạc đi thăm hỏi, việc nước là hệ trọng/ Dâng nước suôi, rau khe lên cúng tế, quý thần soi xét cho) – *Mạnh hạ sơ cán, dự cáo tiểu tường lễ, mang phó sứ trình*. *Ngựa kì* chỉ ngựa màu đen, *ngựa lạc* chỉ ngựa bạch, dịch từ bốn chữ *kì lạc tuân tu* trong thơ *Hoàng hoa, Kinh Thi* có ý nghĩa chỉ việc nhà vua sai sứ thần đi thăm hỏi nước láng giềng. Từ đó, nhà thơ nói đến việc được triều đình cử đi sang sứ nhà Thanh. Mục đích của chuyến đi sứ của Phan công là sang chúc thọ vua nhà Thanh. Do đó, tác giả thấy rõ bổn phận, trách nhiệm của mình với nhiệm quốc gia. Nhà thơ tự tâm niệm rằng chuyến đi Bắc sứ lần này là “bang quốc trọng” (việc nước là hệ trọng). Đó là tâm niệm chung của tất cả sứ thần thời trung đại nói chung và nhà thơ họ Phan nói riêng. Thời trung đại, trọng trách đi sứ được nhiều thi nhân bày tỏ ý chí hăm hở, trọng trách lớn lao và khẳng định vị thế tài năng của bản thân: *Cao nhân thù thị bắc song nhân?/ Nguyên thấp trì khu thuộc sứ thần* (Nào ai là người an nhàn nằm khểnh trước cửa sổ phía Bắc/ Rong ruổi lên cao, xuống thấp là phận sự của người đi sứ) – *Hạ nhật lữ trung thư hoài* – Hồ Sĩ Đống; *Thế thần dao ức hoàng ân/ Đình ninh sổ ngữ, ôn tồn nhất chương* (Kể bề tôi đi sứ mang nặng ơn vua/ Luôn ghi nhớ những lời đình ninh dặn dò, một tờ biểu chương lời lẽ ôn tồn) – Nguyễn Huy Oánh.

Nét nổi bật thứ nhất trong lí tưởng chính trị nhà Nho của Phan Huy Ích là *lí tưởng nam nhi*. Sống trong xã hội phong kiến trung đại, chí nam nhi luôn được kẻ sĩ coi trọng và đề cao. Phẩm chất làm trai là một tiêu chí “đo lường” nhân cách đối với nam giới. Nho giáo xác định làm trai phải có chí lớn, tài cao, công danh hiển hách. Phan Huy Ích sinh trưởng trong gia đình thi thư, được trau dồi tư tưởng

Nho giáo nên đối với nhà thơ, lí tưởng nam nhi luôn song hành cùng chặng đường “nhập thế” của các nhà Nho hành đạo nói chung.

Tác giả nhắc đến nhiều điển cố để truyền tải lí tưởng nam nhi và khát vọng lập thân, hành đạo, nhập thế của bản thân. Điển cố “tang bồng” xưa nay thường hay được các nhà Nho dùng trong những sáng tác của mình. Với Phan Huy Ích, ông cũng dùng điển này để nói lên chí lớn, khát vọng “dời non lấp biển” của bản thân trong xã hội trung đại: *Tang bồng tráng chí tứ phương ngoai/ Khuông cử thanh nghi tập tải lai* (Chí lớn tang bồng, ngoài bốn cõi/ Lễ nghi khuông cử, đã mười năm) – *Đăng trình ngữ nội*; *Tang hồ huê tuất trì khu viễn/ Ngọc tiết tu tri ứng đối gian* (Chí tang bồng ngại gì rong ruổi phương xa/ Giữ tiết ngọc nên biết ứng đối là khó) – *Xuân trung phụng chiếu sai Bắc sứ, đắc mệnh ngẫu phú*. Hai điển *tang bồng*, *tàng hồ* đều có ý nghĩa nói ý chí, chí lớn của nam nhi, nguyên có nghĩa là *tang bồng hồ thi*. Đặt hai điển cố này ở đầu câu thơ trong hai bài thơ, tác giả nhấn mạnh chí nam nhi của bản thân trong xã hội quân chủ chuyên chế. Nhà thơ bày tỏ khát vọng “tráng chí” của bản thân không ngần ngại gian lao, khó khăn ở “ngoài bốn cõi”, dù trong hoàn cảnh nào cũng luôn vững vàng, bền gan, gắng sức. Ngoài ra, “chí tang bồng hồ thi” còn được nhà thơ tiếp tục thể hiện khi được lệnh lên đường đi sứ Trung Hoa. Ông không quản “rong ruổi phương xa” mà cố gắng “giữ tiết ngọc” khi triều đình tin tưởng. Đây là điểm khác biệt của Phan Huy Ích so với các thi nhân trước ông và sau này. Phạm Ngũ Lão (1255 – 1320), một danh tướng dưới trướng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1288 – 1300) luôn trăn trở, hồ thẹn khi nhắc đến “chuyện Vũ hầu”: *Nam nhi vị liễu công danh trái/ Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu* (Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh/ Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu) – *Tổ lòng*. Đặng Dung (1373 – 1414) sống dưới thời Trần, luôn canh cánh tấm lòng “cô trung”: *Quốc thù vị báo đầu tiên bạch/ Kì độ Long*

Tuyền đới nguyệt ma (Thù nước chưa báo được, mà đầu thì đã bạc/ Bao lần mang kiếm Long Tuyền ra mài dưới bóng trăng) – *Cảm hoài*. Phạm công và Đặng công đều canh cánh “chí nam nhi” chưa thành, với nhiều mặc cảm còn Phan công thì “hồ hởi” giải bày ý chí, khát vọng của mình. Sau Phan công, đại thi hào Nguyễn Du (1765 – 1820) – người chứng kiến cơn quốc biến cũng từng ngậm ngùi, chua xót thốt lên: *Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên/ Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên* (Tráng sĩ đầu bạc ngừng nhìn trời, lòng bi đát/ Hùng tâm, sinh kế cả hai đều mờ mịt) – *Tập thi I*.

3.3. Điển cố trong thơ kỉ sự Phan Huy Ích thể hiện tình cảm cá nhân

Ngoài ý nghĩa phản ánh lịch sử thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ, lí tưởng chính trị nhà Nho, nhà thơ Phan Huy Ích còn dùng điển cố để thể hiện tình cảm cá nhân của mình. Đến thế kỉ XVIII, trào lưu “chủ tình” phát triển và in đậm trong sáng tác của các nhà Nho giai đoạn này, trong đó có Phan Huy Ích: “đến quãng giữa thế kỉ XVIII, trong đời sống văn học có thể quan sát thấy những dấu vết chắc chắn của việc đề cao *tình*” (Trần Nho Thìn, 2010). Như vậy, đến giai đoạn này, tình cảm cá nhân được mở rộng trong các mối quan hệ: tình yêu, tình ái, tình cảm gia đình... Tình cảm cá nhân trong thơ kỉ sự của Phan công được thể hiện trong mối quan hệ gia đình với cha, với vợ, với con thông qua việc sử dụng điển cố.

Có lẽ người ảnh hưởng đến Phan Huy Ích nhiều nhất là người cha Phan Huy Cận. Thận Trai tiên sinh là người nuôi dạy, chỉ bảo nhà thơ từ nhỏ. Ông đỗ đạt cao, tài giỏi, đảm nhận nhiều chức vụ triều Lê. Vậy nên tình cảm Phan Huy Ích dành cho cha vừa ngưỡng mộ, tự hào, vừa chân thành, hiểu thảo: *Bình cách tự thiên di cát khánh/ Ngó ông nghĩa mệnh bản lai can* (Giữ đạo thường, hiểu đạo trời thì được ban phúc tốt/ Phụ thân ta giữ nghĩa theo mệnh nên xưa nay được yên ổn) – *Quý Mão thu, gia tôn phụng mệnh đốc trấn Cao Bằng*,

thượng quan nhật bái tiền, kỉ hoài. Bài thơ ghi lại cảm xúc của nhà thơ trong tâm trạng tiễn cha Phan Huy Cận đi làm đốc trấn Cao Bằng. Phan Huy Ích bày tỏ niềm tự hào, vui mừng về công trạng của người cha khi được triều đình giao phó trọng trách lớn lao. Thế nhưng, tác giả cũng ngậm ngùi và lo lắng vì đường đi đến Cao Bằng gian nan, cách trở cộng thêm địa hình hiểm trở núi đồi hiu quạnh. Gạt bỏ nỗi lo lắng, nhà thơ đã hướng đến viễn cảnh tươi đẹp, đồng thời bày tỏ niềm tự hào, ngưỡng mộ người cha. Mượn chữ trong *Kinh Thư*: “*Thiên vô tư thọ, duy chí bình thông cách giả tắc thọ chi*” (Trời không cho riêng ai sống lâu. Những người giữ đúng đạo thường, thông cảm được cho đến trời thì sống lâu), Phan Huy Ích đã vận dụng linh hoạt triết lí của tư tưởng Đạo gia về thiên mệnh, đạo trời. Ông tự nhận thấy cha mình luôn giữ đạo cương thường và hiểu đạo trời, tuân theo quy tắc tuần hoàn biến đổi của trời đất, làm việc luôn theo nghĩa lí và mệnh trời.

Bài *Tiên khảo hỷ thần cảm tác* (Cảm tác nhân ngày giỗ cha) được nhà thơ làm theo thể luật thi thất ngôn bát cú, bày tỏ tình cảm xúc động, băng khuâng xen lẫn buồn bã của nhà thơ trong ngày giỗ cha ở nơi đất khách. Tác giả ở nơi xa đã hoài niệm về quá khứ, về dinh cơ lúc sinh thời của phụ thân khi về hưu quan: *Lục Dã di cơ yên viễn tảo/ Huyền Đường cải trúc thảo bình phô* (Nền Lục Dã còn kia, khói mây bao phủ/ Chốn âm phần đắp lại, cây cỏ lan khắp). Ở nơi xa xứ trong ngày giỗ cha, nhà thơ bồi hồi xúc động, nghẹn ngào, áy náy vì *Tam tái công mang* (Ba năm liên vì việc nước) chưa được trọn vẹn chữ hiếu. Nơi đất khách quê người, nỗi sầu càng dồn nén tâm trạng của thi nhân. Mượn chữ *Lục Dã* của Bùi Độ – bậc danh thần đời Đường đặt tên cho biệt thự khi về nghỉ của mình là “Lục Dã đường”, nhà thơ nhắc đến dinh cơ của người cha Huy Cận. Tất cả đã là quá khứ trong hư ảo mây bay, giờ đây chỉ còn lại nỗi đau xót vì *Quyên thần vị báo thân ân trọng* (Ơn cha mẹ sâu nặng, chưa báo đền được chút mây may). Bài thơ được

Phan công sáng tác khi đang trên đường đi công cán sự vụ xa nhà, do vậy cảm xúc buồn bã và nỗi lòng lữ khách được bộc lộ rõ nét. Như nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn đã chỉ ra rằng: “Nhà Nho đi làm quan xa hay đi công chuyện xa, tuy ít viết thư về cho cha mẹ, song ẩn sau những nỗi niềm tha hương, nhớ quê vào những ngày lễ tết, chúng ta có thể đọc thấy đạo hiếu sâu sắc, kín đáo của họ” (Trần Nho Thìn, 2018).

Phan Huy Ích có khá nhiều bài thơ viết về vợ. Mặc dù viết về người vợ trong văn học trung đại không phải là hiếm hoi, đến thế kỉ XVIII, số lượng những bài thơ viết về vợ có sự gia tăng cả về số lượng và chất lượng, nhưng với Phan Huy Ích, ông bộc lộ tình cảm ngay khi vợ còn đang sống và cả khi vợ đã mất. Có thể nói, Phan Huy Ích là tác giả có nhiều niềm đồng cảm với nỗi vất vả, tảo tần của người vợ trong văn học trung đại. Ông không tập trung ngợi ca vẻ đẹp hình thể của vợ như Ngô Thì Sĩ và Phạm Nguyễn Du: *Son hiện nga mi, thủy khiết trang* (Núi như nét mày ngài, nước như vẻ trang điểm thanh khiết) – *Thập tư kì IX* – Ngô Thì Sĩ; *Nghi thị thiên tiên trích há trần* (Ngờ rằng nàng là tiên trên trời giáng xuống hạ giới) – *Tĩnh hữu văn thi nhất thủ* – Phạm Nguyễn Du. Phan Huy Ích có lối đi riêng khi bày tỏ tình cảm với vợ. Ông tập trung vào những công việc thường ngày của vợ, những nỗi vất vả vợ đang trải qua. Vậy nên, nhà thơ thường dùng điển cố để nói về điều này. Nói về sự tảo tần, đảm đang, tháo vát của vợ, Phan công mượn điển “*Khuông cử*” trong *Kinh Thi*: ***Khuông cử*** *thanh nghi tập tải lai/ Biệt điệu mạc tu tà chức cấm* (Lễ nghi khuông cử, đã mười năm/ Tà giới chớ nên làm chuyện dột gấm) – *Đăng trình ngữ nội*. Thiên Thiệu Nam của *Kinh Thi* nói về việc người phụ nữ sắm sửa đồ cúng có câu: “Đi hái rau tằm đựng vào cái khuông (giỏ vuông), và cái cử (giỏ tròn)”. Qua đó, nhà thơ muốn nói đến việc vợ mình ở nhà trông nom công việc cúng tế đã được mười năm. Do phải luân chuyển công vụ, tri nhậm chức vụ liên tục, nên Phan Huy Ích ít có thời gian ở nhà lo

việc cúng tế ngày lễ tết. May thay, ông có vợ thay mình làm hộ. Phải nói rằng, vợ Phan Huy Ích là người phụ nữ rất chu đáo lo toan công việc gia đình. Mượn điển “*Khuông cử*”, nhà thơ đã ngầm gián tiếp “nói lời cảm ơn” tha thiết và ngợi ca phẩm hạnh của vợ mình.

Bên cạnh tình cảm dành cho cha, cho vợ, Phan Huy Ích còn có những bài thơ kỉ sự đặc sắc thể hiện tình cảm dành cho con. Với con, nhà thơ luôn dành những tình cảm yêu mến, tự hào. Nhà thơ họ Phan khi viết về con đã chọn lọc những điển cố mang ý nghĩa khái quát cao, chứa đựng ẩn tượng: ***Chấn sách*** *thụy quang long hổ bảng/ Phong di khánh điệp thi hồ môn* (Điền “Chấn sách” sáng rực bảng rồng hổ/ Phúc “Phong di” chôn cất cửa cung tên) – *Thứ nam Thực sinh, hỉ phú*. Hai điển cố được đặt đầu cặp câu thực trong bài thơ luật thi thất ngôn bát cú vừa cho thấy tính chất đăng đối cân xứng và ngắt nhịp hài hòa linh hoạt. Mượn điển *Chấn sách* – lời thuyết quái ở trong *Kinh Dịch*, tác giả đặt niềm hi vọng, mong ước vào người con trai Huy Thực sau này sẽ hoạn lộ hanh thông, hiển đạt phúc âm. Mượn điển *Phong di* lấy trong *Kinh Thi*, tác giả không những ngợi ca, tự hào về phúc đức của dòng tộc để lại cho con cháu mà còn bày tỏ mong muốn con trai sau này sẽ tiếp tục kế thừa, tiếp nối và phát huy truyền thống danh giá của gia đình.

4. KẾT LUẬN

Thơ kỉ sự kết tinh tài năng của Phan Huy Ích trong việc thể hiện nội dung và xây dựng nghệ thuật. Sử dụng điển cố và thi liệu Hán học trong thơ kỉ sự, Phan tiên sinh đã thể hiện tài năng của riêng mình trong việc lựa chọn điển cố và truyền tải nội dung ý nghĩa. Thông qua nghệ thuật này, tác giả phản ánh bối cảnh lịch sử thời đại – làm tăng thêm “chất hiện thực” và đặc trưng “ghi chép” trong thơ kỉ sự của mình. Ngoài ra, nhà thơ bày tỏ lí tưởng chính trị nhà Nho với tinh thần trung hiếu gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc” và lí tưởng nam nhi gắn chặt với hành trình “nhập thế” của một nhà Nho hành đạo. Sử dụng điển

cố đã giúp Phan Huy Ích bộc lộ tình cảm cá nhân của mình với cha, vợ và con. Như vậy, việc tìm hiểu nghệ thuật sử dụng điển cố và thi liệu Hán học giúp người đọc tiến sâu hơn vào thế giới nghệ thuật thơ kị sự của Phan Huy Ích và hiểu rõ hơn tấm lòng, con người nhà thơ. Tuy nhiên, nghệ thuật sử dụng điển cố, thi liệu trong thơ kị sự Phan Huy Ích còn tồn tại một số hạn chế nhất định, trong đó phải kể đến việc “sử dụng liên tục” những điển cố, thi liệu đôi khi làm cho những bài thơ kị sự với yếu tố “ghi chép” khiến người đọc thấy khó hiểu. Bởi lẽ, đa phần thơ kị sự được tác giả sáng tác để ghi lại những sự việc, sự kiện trong cuộc sống nên những điển cố, thi liệu có thể làm “giảm” tính chất hiện thực của tác phẩm. Ngoài ra, việc vay mượn nhiều điển cố, thi liệu còn dẫn đến làm “mờ đi” yếu tố cá nhân của tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Ngọc San. (1998). *Từ điển điển cố trong nhà trường*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trần Nho Thìn. (2010). *Văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trần Nho Thìn. (2018). *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu, giảng dạy văn học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thị Băng Thanh & Lại Văn Hùng (đồng chủ trì). (2010). *Tuyển tập Ngô Gia văn phái, Tập 1*. Hà Nội: Nxb Hà Nội.
- Trần Thị Băng Thanh & Phạm Ngọc Lan (đồng chủ biên). (2019). *Tuyển tập dòng văn Phan Huy (Nhánh Sài Sơn), Tập 1*. Hà Nội: Nxb Hà Nội.